

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10Tầng 10-11, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng,
phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà NộiBáo cáo tài chính riêng
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.970.539.593.201	2.005.207.970.237
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	40.500.248.576	17.903.717.837
1. Tiền	111		40.500.248.576	17.903.717.837
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.469.439.179.136	1.569.962.576.707
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.265.356.332.378	1.364.518.386.777
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	72.237.511.490	84.204.253.210
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	158.242.355.178	149.236.956.630
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(26.397.019.910)	(27.997.019.910)
III. Hàng tồn kho	140	V.7	439.051.946.751	413.858.700.029
1. Hàng tồn kho	141		439.051.946.751	413.858.700.029
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.548.218.738	3.482.975.664
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	8.579.817.926	332.043.040
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.968.400.812	3.150.932.624
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		325.657.813.445	299.520.994.008
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		26.000.000	42.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	26.000.000	42.000.000
II. Tài sản cố định	220		116.992.601.912	114.591.291.114
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	116.992.601.912	114.591.291.114
- Nguyên giá	222		707.171.658.005	723.548.851.916
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(590.179.056.093)	(608.957.560.802)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	1.855.104.923	190.230.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.855.104.923	190.230.000
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	144.653.809.502	142.363.104.457
1. Đầu tư vào công ty con	251		118.357.932.374	118.357.932.374
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.560.000.000	4.560.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		83.724.759.000	81.793.883.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(61.988.881.872)	(62.348.710.917)
V. Tài sản dài hạn khác	260		62.130.297.108	42.334.368.437
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	62.130.297.108	42.334.368.437
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.296.197.406.646	2.304.728.964.245

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.475.198.346.210	1.472.626.033.655
I. Nợ ngắn hạn	310		1.421.549.227.561	1.430.367.867.234
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	376.610.508.876	396.330.388.295
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	227.366.488.639	111.948.795.507
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	6.934.088.154	17.862.019.311
4. Phải trả người lao động	314		36.212.290.950	41.797.547.726
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	17.128.645.630	36.097.498.082
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	206.181.818	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	77.695.102.371	93.028.832.552
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	676.148.298.822	729.040.863.460
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.247.622.301	4.261.922.301
II. Nợ dài hạn	330		53.649.118.649	42.258.166.421
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	25.788.888.762	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	27.860.229.887	42.258.166.421
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		820.999.060.436	832.102.930.590
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	820.999.060.436	832.102.930.590
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		427.323.110.000	427.323.110.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		427.323.110.000	427.323.110.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		50.066.521.921	50.066.521.921
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		288.736.947.097	288.737.697.097
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		54.872.481.418	65.975.601.572
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		37.136.214.972	33.276.657.272
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17.736.266.446	32.698.944.300
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.296.197.406.646	2.304.728.964.245

Người lập biểu



Lê Thị Thanh Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Kiên

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2020



Tổng Giám đốc



Trần Văn Tấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10

Tầng 10-11, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng,
phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

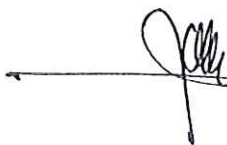
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	871.430.595.164	1.491.899.044.077
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	5.058.892.456	25.887.229.347
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		866.371.702.708	1.466.011.814.730
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	731.156.302.160	1.290.841.385.977
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		135.215.400.548	175.170.428.753
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	149.713.792	10.372.382.661
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	57.890.739.463	77.228.561.030
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		57.115.241.719	65.528.407.755
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	56.740.152.785	70.380.739.322
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		20.734.222.092	37.933.511.062
10. Thu nhập khác	31	VI.7	3.583.693.393	7.012.488.838
11. Chi phí khác	32	VI.8	1.742.505.862	4.087.827.354
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.841.187.531	2.924.661.484
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		22.575.409.623	40.858.172.546
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	4.839.143.177	8.159.228.246
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		17.736.266.446	32.698.944.300

Người lập biểu



Lê Thị Thanh Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Kiên

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2020



Tổng Giám đốc



Trần Văn Tấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10

Tầng 10-11, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng,
phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		22.575.409.623	40.858.172.546
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		14.026.890.644	23.672.972.690
- Các khoản dự phòng	03		(1.959.829.045)	11.138.621.150
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.451.198.878)	(2.507.713.845)
- Chi phí lãi vay	06		57.115.241.719	65.528.407.755
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		89.306.514.063	138.690.460.296
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		92.256.186.996	(88.188.209.708)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(26.858.121.645)	177.336.295.532
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		75.141.749.612	(55.844.683.750)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(28.043.703.557)	2.527.902.031
- Tiền lãi vay đã trả	14		(57.099.917.939)	(65.608.444.334)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.662.784.957)	(8.927.882.870)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.215.050.000)	(9.721.124.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		130.824.872.573	90.264.312.597
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(16.350.298.489)	(16.388.136.363)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.496.721.105	664.385.096
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(11.930.876.000)	(37.771.463.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		10.000.000.000	1.100.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		137.545.422	885.729.034
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(15.646.907.962)	(51.509.485.233)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10
Tầng 10-11, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng,
phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

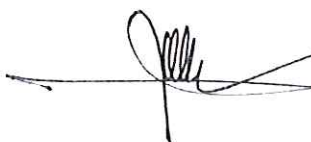
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1	2	3	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		884.190.033.711	1.088.154.660.292
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(951.480.534.883)	(1.075.806.719.407)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(25.290.932.700)	(50.906.384.310)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(92.581.433.872)	(38.558.443.425)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		22.596.530.739	196.383.939
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		17.903.717.837	17.707.333.898
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		40.500.248.576	17.903.717.837

Người lập biểu



Lê Thị Thanh Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Kiên

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2020



Tổng Giám đốc



Trần Văn Tấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10Tầng 10-11, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng,
phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.236.831.303.716	2.290.411.058.348
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	41.668.805.299	21.986.698.382
1. Tiền	111		41.668.805.299	21.986.698.382
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.623.960.063.613	1.692.950.908.822
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.342.757.787.754	1.420.529.555.781
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	69.733.348.473	74.551.435.933
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	39.481.148.173	39.481.148.173
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	189.123.166.269	177.030.442.864
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.8	(26.965.022.293)	(28.565.022.293)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	9.829.635.237	9.923.348.364
III. Hàng tồn kho	140	V.9	542.707.202.125	563.491.464.585
1. Hàng tồn kho	141		542.707.202.125	563.491.464.585
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		28.495.232.679	11.981.986.559
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	8.972.365.555	407.315.040
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		19.122.867.124	11.174.671.519
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	400.000.000	400.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		779.459.037.871	777.441.102.545
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		91.000.000	107.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	91.000.000	107.000.000
II. Tài sản cố định	220		618.727.260.708	641.031.471.385
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	618.727.260.708	641.031.471.385
- Nguyên giá	222		1.490.278.005.581	1.506.561.486.365
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(871.550.744.873)	(865.530.014.980)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	1.855.104.923	190.230.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.855.104.923	190.230.000
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	91.997.644.719	90.843.606.762
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		11.272.885.719	12.409.552.807
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		83.724.759.000	81.793.883.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(3.000.000.000)	(3.359.829.045)
V. Tài sản dài hạn khác	260		66.788.027.521	45.268.794.398
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	62.465.733.547	42.837.004.803
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.813.337.619	-
3. Lợi thế thương mại	269		1.508.956.355	2.431.789.595
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3.016.290.341.587	3.067.852.160.893

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10Tầng 10-11, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng,
phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.120.099.657.790	2.144.522.939.939
I. Nợ ngắn hạn	310		1.791.493.634.767	1.791.817.031.143
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	391.946.746.537	417.790.263.332
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	231.930.501.800	128.302.859.433
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	17.472.437.038	29.671.837.577
4. Phải trả người lao động	314		40.804.561.366	48.277.308.889
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	47.484.343.597	51.079.008.585
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	206.181.818	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	158.734.254.190	148.533.644.269
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	898.985.461.810	963.070.462.447
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.929.146.611	5.091.646.611
II. Nợ dài hạn	330		328.606.023.023	352.705.908.796
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	25.788.888.762	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	291.019.357.887	340.908.132.422
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		11.797.776.374	11.797.776.374
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		896.190.683.797	923.329.220.954
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	896.190.683.797	923.329.220.954
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		427.323.110.000	427.323.110.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		427.323.110.000	427.323.110.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		50.066.521.921	50.066.521.921
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.901.000.000	3.901.000.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		396.333.727.252	396.334.477.252
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.112.440.777	40.214.040.588
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.374.653.988	25.402.012.816
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.737.786.789	14.812.027.772
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(546.116.153)	5.490.071.193
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3.016.290.341.587	3.067.852.160.893

Người lập biểu

Lê Thị Thanh Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2020



Tổng Giám đốc

Trần Văn Tấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10

Tầng 10-11, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng,
phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

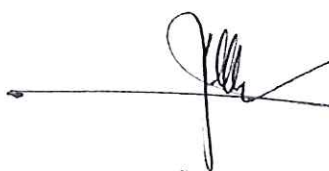
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	995.975.905.556	1.532.093.228.940
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	5.058.892.456	25.887.229.347
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		990.917.013.100	1.506.205.999.593
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	819.061.960.448	1.300.244.551.281
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		171.855.052.652	205.961.448.312
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	6.613.608.259	15.579.748.551
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	107.467.899.511	120.964.443.231
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		105.787.781.376	121.657.337.031
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(1.136.667.088)	(35.471.612)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	66.058.672.458	84.759.422.326
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		3.805.421.854	15.781.859.694
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.610.744.029	7.650.075.568
12. Chi phí khác	32	VI.8	3.688.760.882	5.099.210.256
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(78.016.853)	2.550.865.312
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.727.405.001	18.332.725.006
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	4.839.143.177	8.159.228.246
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(2.813.337.619)	2.156.498.241
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.701.599.443	8.016.998.519
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		7.737.786.789	14.812.027.772
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(6.036.187.346)	(6.795.029.253)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.11	181	347
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		181	347

Người lập biểu



Lê Thị Thanh Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Kiên

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2020



Tổng Giám đốc



Trần Văn Tấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.727.405.001	18.332.725.006
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		38.826.125.246	59.492.263.476
- Các khoản dự phòng	03		(1.959.829.045)	(1.747.059.938)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.996.750.644)	(8.063.041.208)
- Chi phí lãi vay	06		105.787.781.376	121.657.337.031
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		138.384.731.934	189.672.224.367
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		69.047.663.682	(94.380.238.545)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		19.119.387.537	235.441.162.871
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		52.172.374.435	(72.555.122.886)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(28.193.779.259)	2.917.381.252
- Tiền lãi vay đã trả	14		(61.694.608.194)	(97.590.737.130)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.662.784.956)	(8.927.882.870)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.572.598.060)	(10.319.944.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		174.600.387.119	144.256.842.459
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(16.444.011.616)	(56.231.841.301)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.496.721.105	1.047.818.181
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(11.930.876.000)	(37.771.463.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		10.000.000.000	1.100.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		224.594.181	920.424.074
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(15.653.572.330)	(90.935.062.046)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10

Tầng 10-11, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng,
phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1	2	3	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		884.190.033.711	1.220.793.439.274
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(998.163.808.883)	(1.220.689.200.603)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(25.290.932.700)	(50.906.384.310)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(139.264.707.872)	(50.802.145.639)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		19.682.106.917	2.519.634.774
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		21.986.698.382	19.467.063.608
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		41.668.805.299	21.986.698.382

Người lập biểu



Lê Thị Thanh Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Kiên

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tấn



Số: 486/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2020

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Để đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2019 cũng như kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị (HĐQT) xin gửi tới Đại hội đồng cổ đông báo cáo gồm các phần sau:

- Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2019;
- Hoạt động của HĐQT trong năm 2019;
- Phương hướng hoạt động và nhiệm vụ của HĐQT trong năm 2020.

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2019

1. Kết quả thực hiện kế hoạch các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu

- a) Tổng giá trị SXKD: 870,224/1.056,576 tỷ đồng, đạt 82 % KH năm.
- b) Doanh số: 927,145/1.097,067 tỷ đồng, đạt 85 % KH năm.
- c) Doanh thu: 870,105/1.015,897 tỷ đồng, đạt 86 % KH năm.
- d) Nộp nhà nước: 35,688/43,775 tỷ đồng, đạt 82 % KH năm.
- e) Lợi nhuận trước thuế: 22,575/35,290 tỷ đồng, đạt 64 % KH năm.
- f) Thu nhập bình quân: 11,9/13,08 triệu đồng/người/tháng, đạt 91 % KH năm.

2. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019

- a) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu.

Năm 2019 là một năm hết sức khó khăn của Công ty, hầu hết các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đều không đạt kế hoạch đã đề ra:

- Sản lượng không đạt kế hoạch do: công trình trọng điểm của kế hoạch 2019 là Nam Emoun (Lào) bị bàn giao mặt bằng chậm 6 tháng so với kế hoạch; công trình thủy điện XeKaMan3 (Lào) gián đoạn thi công do Chủ đầu tư thiếu vốn dẫn đến sản lượng thấp hơn dự kiến.

- Doanh số không đạt kế hoạch do: Sản lượng không đạt kế hoạch như đã nêu trên và chưa thu được giá trị dở dang tại Đèo Cả, XeKaMan 3 giai đoạn đầu, Huội Quảng do các Chủ đầu tư chưa phê duyệt dự toán chính thức.

- Lợi nhuận không đạt kế hoạch do:

+ Sản lượng và doanh số không đạt kế hoạch như đã nêu ở trên;

+ Công nợ phải thu vẫn còn lớn dẫn đến dư nợ ngân hàng và lãi vay cao ảnh hưởng

đến lợi nhuận SXKD;

- + Do giá tham gia đấu thầu thấp để cạnh tranh nên lợi nhuận giảm;
- + Do công trình Nam Emoun và XeKaMan 3 hoãn hoặc giãn tiến độ thi công so với hợp đồng nên phát sinh chi phí chờ việc, làm giảm lợi nhuận.

b) Do khó khăn về dòng tiền nên mới chỉ trả được một nửa cổ tức của năm 2018.

c) Việc đầu tư thiết bị phục vụ thi công chưa kịp thời do khó khăn trong việc huy động vốn đầu tư.

Tuy có nhiều khó khăn như đã nêu trên, nhưng Công ty vẫn cố gắng duy trì hoạt động ổn định và đặc biệt là đảm bảo tiến độ theo các hợp đồng đã ký kết với các Chủ đầu tư.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2019

1. Hoạt động của HĐQT

Trong năm qua tập thể HĐQT đã bám sát các chỉ tiêu kinh tế mà ĐHĐCĐ đã thông qua để chỉ đạo các mặt hoạt động SXKD Công ty, trong đó bao gồm các nội dung quan trọng như sau:

a) Tổ chức nghiên cứu, xây dựng các báo cáo, kế hoạch để trình cấp có thẩm quyền (kế hoạch năm) hoặc ban hành để Tổng Giám đốc triển khai thực hiện (KH quý).

b) Giải quyết, chỉ đạo kịp thời các vấn đề trong hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ và thẩm quyền của HĐQT theo quy định của pháp luật cũng như quy định quản lý nội bộ của Công ty.

c) Giám sát Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT và tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như quy định quản lý nội bộ của Công ty.

d) Chỉ đạo thực hiện các thủ tục đầu tư, vay vốn để đầu tư thiết bị phục vụ thi công.

e) Chỉ đạo công tác tiếp thị, đấu thầu. Tổng giá trị ký được hợp đồng trong năm 2019 là 1.223 tỷ đồng đạt 102% KH năm 2019 (1.200 tỷ đồng):

- Ký hợp đồng thi công gói thầu số 41, 42, 44 dự án thủy điện Đăk Mi 2 với giá trị 437 tỷ đồng;

- Ký hợp đồng ủy quyền với TCT Sông Đà để thi công dự án thủy điện Xekaman 3 (phần tiếp theo của phương án dài hạn) với giá trị 203 tỷ đồng;

- Ký bổ sung phụ lục hợp đồng Thượng Kon Tum giá trị 370 tỷ đồng;

- Ký hợp đồng Thượng Kon Tum giá trị 56 tỷ đồng;

- Ký bổ sung phụ lục hợp đồng thi công Hầm Mũi Trâu (hệ thống ITS, PCCC hầm Mũi Trâu) giá trị 105 tỷ đồng;

- Thỏa thuận xong với nhà thầu chính để bổ sung phụ lục hợp đồng công tác đào và gia cố loại G của công trình thủy điện Nam Emoun giá trị 2,27 triệu USD (khoảng 52 tỷ).

f) Tiếp tục chỉ đạo công tác thoái vốn đầu tư tại Công ty CP Thủy điện Nậm He.

Đ. N.
CƠ
CƠ
SÔNG
TỰ LIỆ

2. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT

a) Lương, thù lao của Hội đồng quản trị

- Tổng tiền lương, thù lao: 1.140.000.000 đồng. Các mức cụ thể:
- + Lương Chủ tịch HĐQT: 45.000.000 đồng/tháng.
- + Lương TV.HĐQT chuyên trách: 32.000.000 đồng/tháng.
- + Thù lao Thành viên HĐQT: 6.000.000 đồng/người/tháng.
- Số đã ứng: 427.600.000 đồng.
- Số còn lại: 712.400.000 đồng.

b) Chi phí hoạt động của HĐQT

Trong năm 2019, chi phí cho các hoạt động chung của HĐQT gồm các chi phí văn phòng, phương tiện đi lại phục vụ cho các hoạt động của HĐQT. Các chi phí này được tính vào chi phí của Công ty theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Công ty không cấp thêm bất kỳ một khoản kinh phí nào khác cho HĐQT cũng như từng thành viên HĐQT để thực hiện nhiệm vụ.

3. Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của HĐQT

Trong năm 2019, HĐQT đã tiến hành họp toàn thể 19 lần, ngoài ra HĐQT tổ chức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản. Các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ các cuộc họp và thể hiện trách nhiệm cao đối với vai trò của mình.

Các cuộc họp được tiến hành đúng trình tự và thủ tục, sau mỗi cuộc họp HĐQT đều ban hành các Nghị quyết, Quyết định để Tổng Giám đốc triển khai thực hiện, đồng thời Công ty cũng gửi các Nghị quyết và Quyết định đã ban hành cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và đăng lên Website của Công ty theo các qui định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Trong năm 2019, HĐQT đã ban hành 126 Nghị quyết và Quyết định để chỉ đạo công tác quản lý Công ty. Danh sách các nghị quyết, quyết định cũng đã được Công ty công bố trong Báo cáo quản trị công ty theo quy định về công bố thông tin bằng cách gửi Ủy ban chứng khoán, Sở GDCK Hà Nội, đăng tải lên Website của Công ty.

4. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị đã kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc. Hằng quý đều tổ chức các cuộc họp và ban hành các Nghị quyết về kế hoạch sản xuất kinh doanh quý và kiểm điểm kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của quý trước. Yêu cầu Tổng giám đốc trình duyệt các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, sau khi được phê duyệt mới triển khai thực hiện.

Đã phối hợp với Ban kiểm soát trong việc kiểm tra định kỳ kết quả sản xuất kinh doanh và việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT đối với Tổng Giám đốc.

Xét trên các khía cạnh trọng yếu, Hội đồng quản trị chưa thấy có gì bất thường trong công tác điều hành hoạt động SXKD của Tổng Giám đốc Công ty trong năm 2019.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG NĂM 2020

1. Những thuận lợi và khó khăn

a) Thuận lợi:

- Tình hình kinh tế, chính trị của đất nước ổn định, lãi suất cho vay đang duy trì ở mức trung bình từ 9 - 11%/năm;
- Các lĩnh vực xây dựng hạ tầng giao thông, năng lượng tiếp tục được ưu tiên;
- Thị trường xây dựng các đường hầm giao thông vẫn còn rất nhiều tiềm năng;
- Phần lớn giá trị sản lượng kế hoạch năm 2020 của Công ty đã có hợp đồng.

b) Khó khăn:

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến hết sức nghiêm trọng và tiềm ẩn những nguy cơ khó lường, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và hoạt động Công ty nói riêng. Đặc biệt là trong năm 2020, sản lượng chính của Công ty là các công trình ở nước ngoài nên việc đi lại qua các cửa khẩu ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty.

- Công tác thu hồi công nợ của Công ty gặp rất nhiều khó khăn do Chủ đầu tư thiếu vốn, dẫn đến nguồn vốn cho SXKD bị ảnh hưởng;

- Việc cạnh tranh quyết liệt trong công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm dẫn đến hiệu quả SXKD của Công ty không được cao so với các năm trước;

- Lực lượng thiết bị thi công hiện nay của Công ty bị thiếu, phần lớn đã hết khấu hao, không đáp ứng được yêu cầu công việc. Áp lực huy động vốn cho công tác đầu tư thiết bị mới là rất lớn;

- Lực lượng cán bộ công nhân viên đang bị thiếu hụt, việc tuyển dụng gặp nhiều khó khăn đặc biệt là đối với công nhân kỹ thuật.

2. Phương hướng hoạt động và nhiệm vụ

Với những thuận lợi, khó khăn và tình hình thực tế của Công ty, HĐQT đề ra phương hướng hoạt động và nhiệm vụ trong năm 2020 như sau:

a) Giữ hoạt động của Công ty ổn định, đáp ứng được các yêu cầu công việc theo các hợp đồng đã ký kết. Củng cố và nâng cao năng lực thi công, hiệu quả hoạt động quản lý điều hành của Công ty.

b) Xây dựng kế hoạch SXKD ngắn hạn và dài hạn để trình ĐHĐCĐ thông qua. Xây dựng kế hoạch SXKD hằng quý để Tổng Giám đốc triển khai thực hiện.

c) Chỉ đạo Tổng Giám đốc triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD quý được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua.

d) Đôn đốc và chỉ đạo sát sao việc thu hồi công nợ, nghiệm thu thanh toán và công tác tài chính – tín dụng để đảm bảo cân đối nguồn vốn phục vụ SXKD.

e) Chỉ đạo thực hiện đầu tư thiết bị thi công theo các Dự án đầu tư đã được phê duyệt để kịp thời đáp ứng yêu cầu thi công.

f) Chỉ đạo công tác tiếp thị, đấu thầu để tìm kiếm đủ việc làm cho năm 2020 và những

năm tiếp theo. Mục tiêu trong năm 2020 phải ký hợp đồng nhận thầu thi công với giá trị 1.000 – 1.200 tỷ đồng.

g) Tiếp tục chỉ đạo công tác thoái vốn đầu tư tại Công ty CP Thủy điện Nậm He.

h) Rà soát bộ máy tổ chức, sắp xếp tinh gọn đảm bảo hiệu quả phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.

i) Giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT và tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như quy định quản lý nội bộ của Công ty.

Trên đây là báo cáo của HĐQT về tình hình quản trị công ty trong năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ trong năm 2020. Kính đề nghị ĐHĐCĐ xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu VT: 

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Tuấn Linh



TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ-CTCP
CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 10



Số 03/SD10-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO
CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020)

Kính gửi: Quý vị Cổ đông của Công ty CP Sông Đà 10.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát (BKS) theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, BKS Công ty CP Sông Đà 10 báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 kết quả hoạt động của Ban trong năm 2019 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019

Năm 2019, BKS đã tiến hành hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban.

BKS đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; triển khai kiểm tra, giám sát hoạt động của công ty thường xuyên và kiểm tra trực tiếp được tiến hành định kỳ một năm hai lần, kết quả cụ thể như sau:

- Trên cơ sở thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh của công ty do Hội đồng quản trị (HDQT), Tổng giám đốc, các phòng chức năng của công ty cung cấp, các thành viên BKS đã thực hiện rà soát lại các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành; xem xét các Tờ trình của Tổng giám đốc, Nghị quyết, Quyết định của HDQT.

- Tham gia đầy đủ các buổi họp của HDQT Công ty khi được mời tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp.

- Xem xét kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư, công tác ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế; xem xét tính hợp lý, hợp lệ của các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành trong năm. Ban kiểm soát luôn kịp thời gửi ý kiến đóng góp tới HDQT và Ban Tổng giám đốc ngay khi xét thấy cần thiết. Tổng số văn bản ý kiến đóng góp trong năm 2019 là 27 văn bản.

- Kiểm tra, đánh giá việc quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD của HDQT và Ban Tổng giám đốc, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp đối với các quyết định của HDQT cũng như các hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2019.

- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

Qua một năm hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ, BKS có những đánh giá và kiến nghị về hoạt động của HDQT, Ban tổng giám đốc và hoạt động kinh doanh năm 2019 như sau:

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2019

Trên cơ sở thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành do HĐQT, Tổng giám đốc, các phòng ban chức năng của Công ty cung cấp, kiểm soát viên đã thực hiện các công việc kiểm tra, soát xét và đưa ra nhận xét, đánh giá như sau:

1. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

1.1. Một số chỉ tiêu kinh tế, tài chính chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	Năm 2019	Tỷ lệ % HT
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	1.056	870	82%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.015	870	86%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	35	22	64%
4	Tỷ suất LN/DT	%	3,5	2,6	75%
5	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	812,3	820,9	101%
6	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	6,6	4,1	62,7%
7	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	3,5	2,2	62,0%
8	Thu nhập bình quân CBCNV	(tr đồng/ người/ tháng)	13,08	11,9	91%

1.2. Kết quả kinh doanh theo số liệu báo cáo:

- Sản lượng năm 2019 chỉ đạt 82% là 870 tỷ đồng. Trong đó: Sản lượng B phụ thực hiện là 274 tỷ đồng.

- Doanh thu năm 2019 chỉ đạt 86% kế hoạch năm, lợi nhuận chỉ đạt 64% kế hoạch năm. Như vậy, với kết quả này, Công ty không hoàn thành các chỉ tiêu tài chính năm. Doanh thu và lợi nhuận so với vốn chủ sở hữu là chưa tương xứng.

- Trong năm, công ty ghi nhận lỗ 14 công trình với số lỗ 31,1 tỷ đồng (do phân bổ chi phí lãi vay trong khi doanh thu không có): Công trình Xekaman 3 lỗ 7,6 tỷ đồng; công trình Nậm Chiến lỗ 6,7 tỷ đồng; công trình Hầm Đèo Cả lỗ 4,86 tỷ đồng; công trình hầm Cổ Mã lỗ 1 tỷ đồng; công trình Nậm He lỗ 3,3 tỷ đồng; Lai Châu 0,9 tỷ đồng,...02/06 Xí nghiệp trực thuộc có số lỗ trong năm, gồm: Xí nghiệp 10.7 lỗ 6,55 tỷ đồng; Xí nghiệp Cơ khí Sông Đà 10 lỗ 0,3 tỷ đồng.

- Hàng tồn kho đến 31/12/2019 là 439 tỷ đồng, trong đó: Nguyên vật liệu là 81,4 tỷ đồng (tăng 41,5 tỷ đồng so với năm 2018); chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là 356 tỷ đồng. Đề nghị công ty xem xét và đánh giá lại công tác mua sắm, dự trữ và sử dụng vật tư, phụ tùng sửa chữa vừa đáp ứng nhu cầu sản xuất, vừa tránh ứ đọng về vốn. Đồng thời, công ty tích cực hơn nữa trong công tác thanh, quyết toán công trình để giảm giá trị dở dang, tăng hiệu quả SXKD.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp năm là 56,7 tỷ đồng chiếm 6,5% doanh thu thực hiện; giảm 19% so với năm 2018 (tương ứng mức giảm 13,6 tỷ đồng).

1.3. Vấn đề thoái vốn và góp vốn đầu tư

- Tổng giá trị đầu tư tài chính đến ngày 31/12/2019 là 206,6 tỷ đồng. Trong năm, công ty đã thoái được khoản đầu tư vào Công ty CP Sông Đà- Đất Vàng với số tiền 10 tỷ đồng; góp vốn vào Công ty TNHH đầu tư BT Cam Lộ- Túy Loan với số tiền 11,93 tỷ đồng.

- Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư là 61,98 tỷ đồng, trong đó trích lập CTCP thủy điện Nậm He là 58,9 tỷ đồng/giá trị đầu tư 66,4 tỷ đồng (năm 2019, Công ty CP thủy điện Nậm He lỗ 16,9 tỷ đồng; lỗ lũy kế là 116,8 tỷ đồng); Trích lập dự phòng 100% giá trị đầu tư vào CTCP Cao su Phú Riềng Kratie là 3 tỷ đồng.

- Khoản đầu tư vào BT Cam Lộ Túy Loan tiềm ẩn rủi ro không đạt lợi nhuận kỳ vọng do việc giải phóng mặt bằng bị chậm, dẫn đến thời gian thi công bị kéo dài trong khi mốc thời gian thu hồi khoản vay gốc không được điều chỉnh theo tiến độ hoàn thành thực tế.

- Khoản tiền đặt cọc 35 tỷ đồng tại Công ty CP Đầu tư Hải Thạch BOT theo hợp đồng mua cổ phần Công ty cổ phần Đèo Cả, đến nay, Công ty vẫn chưa thu hồi được. Bên cạnh đó, khoản tiền đảm bảo thực hiện hợp đồng CT Đèo Cả mới thu hồi 25/50 tỷ đồng. Đối với hai khoản này, Công ty cần có giải pháp quyết liệt để sớm thu hồi.

1.4. Vấn đề nguồn vốn - tín dụng và thanh khoản

- Dư nợ tại các ngân hàng đến ngày 31/12/2019 là 682 tỷ đồng (trong đó: dư vay ngắn hạn là 654,7 tỷ đồng; dư vay dài hạn là 27,8 tỷ đồng). Tuy đã giảm 64,3 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2018 nhưng dư nợ ngân hàng vẫn ở mức cao, tạo áp lực trả nợ rất lớn trong năm 2020.

- Trong năm 2019, số tiền giải ngân là 884,1 tỷ đồng; số tiền trả nợ là 951,4 tỷ đồng; lãi vay tài chính là 57,1 tỷ đồng.

- Từ số liệu về dư nợ ngân hàng, công nợ phải thu, kế hoạch sản lượng, cho thấy, năm 2020 dự báo sẽ là năm tài chính vô cùng khó khăn của công ty. Hơn lúc nào hết, Ban lãnh đạo Công ty cần có những giải pháp quyết liệt, đồng bộ để có thể vượt qua khó khăn, hoàn thành kế hoạch SXKD của năm.

1.5. Về công tác kế toán và báo cáo tài chính năm 2019:

Về cơ bản, Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý. Các báo cáo tài chính cũng được công bố kịp thời theo qui định hiện hành đối với công ty niêm yết. Tuy vậy, qua xem xét sổ sách hạch toán, Ban kiểm soát nhận thấy còn có một số vấn đề tồn tại như sau:

- Chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận trong năm là 64,3 tỷ đồng, đã kết chuyển, xác định KQKD 56,7 tỷ đồng, số còn lại 4,5 tỷ đồng công ty đang hạch toán trên tài khoản chi phí trả trước ngắn hạn. Đơn vị giải trình rằng, do Công trình thủy điện NamEmoun sản lượng, doanh thu thực hiện trong năm đạt thấp vì Nhà thầu chính bàn giao mặt bằng chậm 5 tháng so với kế hoạch nên không kết chuyển phần CPQLDN phát sinh tại công trình này vào KQKD trong năm. Ngoài ra còn có khoản chi phí thuê máy móc thiết bị Quý IV năm 2019 đơn vị chưa hạch toán và chưa kết

chuyển vào chi phí là 3,9 tỷ, giá thành hạch toán thiếu của năm 2019 là 3,3 tỷ đồng.

Ngoại trừ các vấn đề nêu trên, Ban kiểm soát chấp thuận thông qua báo cáo tài chính năm 2019.

Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2019:

(ĐVT: Vnd)

TT	Chỉ tiêu	31/12/2019	01/01/2019
1	Tổng tài sản	2.296.197.406.646	2.304.728.964.245
	- Tài sản ngắn hạn	1.970.539.593.201	2.005.207.970.237
	- Tài sản dài hạn	325.657.813.445	299.520.994.008
2	Nguồn vốn	2.296.197.406.646	2.304.728.964.245
	- Nợ phải trả	1.421.549.227.561	1.472.626.033.655
	- Nguồn vốn chủ sở hữu	820.999.060.436	832.102.930.590

Các chỉ tiêu tài chính năm 2019:

TT	Các chỉ số	Năm 2018	Năm 2019
1	Bố trí cơ cấu vốn		
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	0,63 lần	0,64 lần
	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,76 lần	1,79 lần
	Nợ vay ngân hàng/Vốn chủ sở hữu	0,87 lần	0,85 lần
2	Khả năng thanh toán		
	Khả năng thanh toán tổng quát	1,56 lần	1,5 lần
	Khả năng thanh toán hiện hành	1,40 lần	1,3 lần
	Khả năng thanh toán nhanh	1,11 lần	1,07 lần
3	Hiệu suất sử dụng vốn		
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	2,19%	2,05%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,42%	0,77%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	7,65%	4,15%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	3,93%	2,16%

So sánh các chỉ tiêu năm 2019 với năm 2018, các chỉ tiêu về bố trí cơ cấu tài sản – nguồn vốn có điều chỉnh nhẹ không đáng kể.

Về khả năng thanh toán: các chỉ tiêu về khả năng thanh toán cũng có giảm nhẹ. Tuy nhiên đây là số liệu tính toán về mặt lý thuyết, còn trong thực tế nợ phải thu đã đến hạn và quá hạn là 994 tỷ đồng và khó đòi là 5,9 tỷ đồng nếu loại trừ khi tính toán khả năng thanh toán nhanh thì chỉ số sẽ là < 1. Hay nói cách khác, khả năng thanh toán thực tế của Công ty thấp hơn nhiều so với cách tính về mặt lý thuyết.

Về các chỉ tiêu hiệu quả: Các chỉ số về hiệu quả sử dụng vốn vẫn đang trên đà suy giảm liên tục trong 3 năm gần đây, đặc biệt là tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản và lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ.

1.6. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách

Thuế phải nộp đến 31/12/2019 là 6,934 tỷ đồng trong đó riêng khoản chậm nộp là 3,488 tỷ đồng bao gồm thuế GTGT 0,77 tỷ đồng; thuế TNCN là 2,326 tỷ đồng; thuế khác là 0,363 tỷ đồng.

- Số thuế đã nộp trong năm 2019 là 26,263 tỷ đồng.
- Số thuế phải nộp trong năm 2019 là 15,335 tỷ đồng.

BHXXH phải nộp đến 31/12/2019 là 4,475 tỷ đồng là khoản chậm nộp.

Theo báo cáo của công ty do chưa thu xếp được vốn nên dẫn đến các khoản chậm nộp đến 31/12/2019 là 7,964 tỷ đồng.

Riêng năm 2019, ghi nhận vào chi phí số tiền phạt chậm nộp thuế, BHXXH là 1,624 tỷ đồng (trong đó tiền phạt chậm nộp thuế là 1,087 tỷ đồng; tiền chậm nộp BHXXH là 0,537 tỷ đồng). Do đó làm giảm kết quả lợi nhuận chung toàn công ty với số tiền tương ứng.

1.7. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư và tiếp thị đấu thầu

Trong năm 2019, Công ty đã tham gia đấu thầu, chào giá một số gói thầu ở các Dự án: thủy điện Đắk Mi 2, thủy điện Xe-Ka-Man 3 (phần tiếp theo của phương án dài hạn), thủy điện Nam Sam 3, thủy điện tích năng Bắc Ái Tổng giá trị trúng thầu năm 2019 là 1.223 tỷ đồng đạt 102% KH năm (1.200 tỷ đồng):

- Gói thầu số 41, 42, 44 Dự án thủy điện Đắk Mi 2: 437 tỷ đồng;
- Dự án thủy điện Xekaman 3 (phương án vĩnh cửu): 203 tỷ đồng;
- Thủy điện Thượng Kon Tum: 426 tỷ đồng;
- Hầm Mũi Trâu (hệ thống ITS, PCCC): 105 tỷ đồng;
- Thủy điện Nam Emoun (đào và gia cố loại G): 52 tỷ đồng.

Trong đó, Hầm Mũi Trâu đã giao thầu cho nhà thầu phụ. Các dự án Đắk Mi 2, Thượng Kon Tum, Nam Emoun, các Chủ đầu tư đều đảm bảo được nguồn vốn để tạm ứng, thanh toán cho nhà thầu.

Trong thời gian tới Công ty có kế hoạch tiếp cận các dự án: Thủy điện Yaly mở rộng, Hòa Bình mở rộng, Thủy điện tích năng Bắc Ái, Thủy điện Nam Sam, đây đều là những dự án lớn, yêu cầu cao về năng lực của đơn vị tham gia.

Hiệu quả của công tác đấu thầu phụ phụ thuộc vào năng lực thiết bị, năng suất lao động và năng lực quản lý điều hành của Công ty, với những khó khăn hiện tại trong việc cân đối thiết bị, vốn lưu động, duy trì đội ngũ công nhân kỹ thuật trình độ cao thì năng lực cạnh tranh của Sông Đà 10 đang trên đà suy giảm và rất khó để bắt nhịp với sự phát triển của ngành.

Tình hình dở dang, công nợ

- Tổng công nợ phải thu đến 31/12/2019 là 1.643,2 tỷ đồng, trong đó: Giá trị dở dang là 391,57 tỷ đồng, công nợ phải thu là 1.265,356 tỷ đồng (nợ chưa đến hạn: 335,32 tỷ đồng, nợ đến hạn: 111,1 tỷ đồng, nợ quá hạn: 818,93 tỷ đồng).

- Các khoản nợ khó đòi dẫn đến tình hình tài chính của Công ty rất khó khăn, dòng tiền bị thiếu hụt. Các khoản nợ lớn, quá hạn, phát sinh lâu năm và chưa được thu hồi: Xekaman3: 188,552 tỷ đồng; Nậm Chiến: 268,586 tỷ đồng; Đèo Cả: 84,193 tỷ đồng; Nậm He: 111,789 tỷ đồng;....

Trong năm 2019, Công ty không trích lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi và hoàn nhập 1,6 tỷ đồng do Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc thanh toán công nợ. Tổng số trích lập dự phòng phải thu khó đòi đến 31/12/2019 là 26,397 tỷ đồng.

- Theo số liệu về công nợ phải thu quá hạn nêu trên, khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại thời điểm 31/12/2019 chưa phù hợp với quy định của pháp luật kế toán.

2. Đánh giá hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý:

2.1. Những mặt đã làm được:

***Hội đồng quản trị:**

- HĐQT đã kịp thời tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, có chỉ đạo, kiểm tra và nắm bắt tình hình các mặt hoạt động của doanh nghiệp và đưa ra định hướng giải quyết các vấn đề phát sinh bao gồm cả các vấn đề thuộc về công tác quản lý điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

- Các nghị quyết của HĐQT ban hành đúng với chức năng và thẩm quyền của HĐQT và có nội dung phù hợp với chủ trương và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ công ty; Một vài quyết định, nghị quyết trong lĩnh vực đầu tư, đấu thầu chưa phù hợp đã được kịp thời thu hồi và ban hành điều chỉnh, sửa đổi.

***Tổng Giám đốc:**

- Công tác ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế đảm bảo theo đúng pháp luật và các quy định hiện hành của Nhà nước, Điều lệ Công ty và quy chế quản lý hợp đồng của Công ty.

- Công tác quản lý và hạch toán kế toán về cơ bản tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Tổng giám đốc đã có những nỗ lực nhất định trong việc khai thác nguồn vốn đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh và không để bị chuyển nợ xấu đối với các tổ chức tín dụng.

- Tổng Giám đốc đã có những đóng góp rất quan trọng việc thương thảo và ký kết thành công các hợp đồng nhận thầu, giao thầu được ký mới trong năm 2019 và đầu năm 2020.

- Một số quy chế quản trị nội bộ được xây dựng và trình HĐQT phê duyệt kịp thời khi có thay đổi của Pháp luật và công ty mẹ.

2.2. Một số hạn chế:

- Cơ cấu tổ chức của Công ty chưa phù hợp với thực tế, chưa năng động. Kế hoạch SXKD hàng năm chưa tương xứng với quy mô, thương hiệu của Công ty.

- Việc thanh toán tiền lương cho người lao động bị trễ so với quy định của Luật Lao động, có những thời điểm chậm trả lương lên tới 4 tháng, điều đó ít nhiều đã gây ảnh hưởng đến năng suất và tinh thần làm việc của người lao động trong công ty.

- Công tác thu hồi công nợ dù đã được quan tâm nhưng kết quả thực hiện chưa cao nên Công ty vẫn gặp khó khăn về tài chính.

- Công tác kế toán chưa đáp ứng được các yêu cầu về quản trị Công ty; phần mềm kế toán cũ kỹ, lạc hậu, không tích hợp các tính năng phân tích và tổng hợp thông tin tài chính phục vụ cho công tác quản trị điều hành.

- Công tác quản lý cơ giới vẫn còn thủ công, không có phần mềm quản lý phù hợp gây ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý, khai thác. Hàng năm không có báo cáo đánh giá hiệu quả sử dụng máy móc thiết bị.

- Công tác kinh tế - kế hoạch chưa sắc sảo nhạy bén. Bộ phận kinh tế chưa có sự phối hợp nhịp nhàng với các bộ phận liên quan trong vấn đề quản lý giá thành, quản lý tài sản, vật tư, thiết bị.

- Các dự án đầu tư nâng cao năng lực máy móc thiết bị đều trong tình trạng dở dang; các khoản đầu tư, góp vốn của Công ty chưa được xem xét đánh giá rủi ro hàng năm để nâng cao hiệu quả đầu tư.

- Công ty chưa áp dụng công nghệ trong quản lý điều hành, không có phần mềm quản trị dẫn đến công tác chỉ đạo điều hành không kịp thời, hiệu quả không cao, cán bộ quản lý mất nhiều thời gian vào việc thu thập xử lý thông tin, cán bộ nghiệp vụ tập hợp số liệu thủ công mất nhiều thời gian cho việc lập báo cáo, thống kê và tiềm ẩn rủi ro về sai sót số liệu.

- Bộ phận kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro chưa thực sự hữu hiệu, chủ yếu làm việc mang tính chất sự vụ, chưa có kế hoạch hành động xuyên suốt và gắn liền với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nguyên nhân là do hoạt động này chưa được Ban lãnh đạo công ty chú trọng phát triển.

- Công tác quản lý nguyên vật liệu, phụ tùng thay thế còn nhiều tồn tại, mặc dù BKS đã kiến nghị nhưng qua nhiều năm vẫn chưa được hoàn thiện.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Ban kiểm soát kiến nghị HĐQT thực hiện quyết toán tổng quỹ lương người lao động năm 2019 và lập kế hoạch tổng quỹ lương của người lao động năm 2020 theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ LĐ-TB&XH về thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

- Đề nghị HĐQT có biện pháp quyết liệt hơn nữa đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã tồn tại nhiều năm.

- HĐQT cần giám sát chặt các khoản đầu tư vào đơn vị khác và định kỳ có báo cáo đánh giá rủi ro đầu tư để có hướng xử lý kịp thời.

- Công ty cần khẩn trương thu hồi khoản tiền đặt cọc 35 tỷ vào Công ty CP ĐT Hải Thạch BOT và cần có biện pháp cứng rắn, phù hợp để thu hồi khoản cho vay Công ty CP Điện Việt Lào.

- Xây dựng quản lý nguyên vật liệu, phụ tùng sửa chữa nhỏ đáp ứng yêu cầu thực tế và phù hợp với điều kiện, mô hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Cân đối dòng tiền đảm bảo thanh toán tiền lương và chế độ cho người lao động; nộp đủ, đúng hạn các khoản nộp ngân sách nhà nước.
- Quan tâm sát sao hơn nữa đến chất lượng và tiến độ thi công để tiết giảm chi phí và không phát sinh các nghĩa vụ bảo hành.
- Công ty cần tuyển dụng, đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề; cán bộ lãnh đạo năng động, có chuyên môn và có kiến thức về quản lý dự án để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công ty trước sự cạnh tranh khốc liệt của các Doanh nghiệp cùng ngành nghề.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2020

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp.
- Triển khai công tác thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng, báo cáo năm.
- Tổ chức kiểm tra giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, việc chấp hành Điều lệ công ty của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các đơn vị trực thuộc và các phòng ban chức năng trong Công ty.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên các hoạt động của Công ty thông qua các quyết định của HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty.
- Rà soát và hoàn thiện quy chế quản trị nội bộ của Công ty đảm bảo phù hợp với tình hình SXKD và sự thay đổi của pháp luật chuyên ngành liên quan.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả SXKD, hoạt động của BKS năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020.

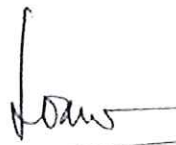
Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các cổ đông (B/c);
- HĐQT, TGD, TV BKS;
- Ban Kiểm soát (lưu).

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Phạm Thị Thanh Loan

